TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 10 - 2023.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1996.

* *Bị đơn:* Anh Ngô Quang T, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(*Chị L vắng mặt có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Ngô Quang T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2020 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 08 tháng. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T không có khả năng sinh con, hai vợ chồng đã đi khám chữa bệnh nhiều lần và nhiều nơi, ở các cơ sở y tế đều kết luận anh T không có khả năng sinh con. Vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 10/2022 đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Ngô Quang T.

Về con chung, con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Quang T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần. Nhưng anh T vẫn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án nên không có quan điểm của anh T.

* Tại phiên toà hôm nay: Các đương sự đều vắng mặt;

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự lưu tại hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

+ Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Ngô Quang T.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Ngô Quang T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn" giữa chị Trần Thị L và anh Ngô Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Ngô Quang T trên cơ sở các bên tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2020 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên hoàn toàn hợp pháp và được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tôn trọng, bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T không có khả năng sinh con, hai vợ chồng đã đi khám chữa bệnh nhiều lần và nhiều nơi, ở các cơ sở y tế đều kết luận anh T không có khả năng sinh con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị L xác định chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 54, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Ngô Quang T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị L được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001670 ngày 22/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị L đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường L, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Duy